

## **ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CÂY THUỐC TẠI XÃ PÚNG BÁNH, HUYỆN SỚP CỘP, TỈNH SƠN LA**

**Hoàng Thị Thanh Hà<sup>1</sup>, Lò Thị Bưởi<sup>1</sup>  
Phạm Ngọc Khánh<sup>2</sup>**  
*<sup>1</sup>Trường Đại học Tây Bắc  
<sup>2</sup>Trạm nghiên cứu trồng cây thuốc Sapa*

Trên thế giới, nhu cầu sử dụng cây thuốc chữa bệnh đang tăng lên không chỉ do mức chi phí vừa phải mà niềm tin vào sử dụng dược liệu chữa bệnh cũng tăng. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), khoảng 80% số người trên thế giới phụ thuộc vào y học cổ truyền để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của họ (Cotton 1997). Các biện pháp thu hái và khai thác cây thuốc không bền vững gây ra mối đe dọa và nhiều loại dược liệu có giá trị đang trở nên khan hiếm do sử dụng liên tục (Swe & Win 2005). Các tổ chức quốc tế như Quỹ Bảo vệ Động thực vật Hoang dã Thế giới (WWF), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hợp Quốc (UNESCO) đang thúc đẩy nghiên cứu về kiến thức thực vật học và sự kết hợp giữa nhận thức với thực tiễn trong việc sử dụng nguồn tài nguyên ở cấp địa phương.

Xã Púng Bánh là xã vùng III của huyện Sốp Cộp, cách trung tâm huyện Sốp Cộp 15 km về phía tây bắc. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 15.160,0 ha. Toàn xã có 6.778 nhân khẩu sinh sống ở 16 bản thuộc 3 dân tộc chủ yếu: Thái (93,1%), Khơ Mú (3,9%), Mông (3,0%). Mang đặc trưng của một xã miền núi với địa hình phức tạp, độ cao từ 700 m đến 1.700 m so với mực nước biển. Địa hình núi ở độ cao từ 1000 m đến 1700 m so với mực nước biển hiện đang được khoanh nuôi tái sinh rừng và rừng phòng hộ. Một phần địa phận xã Púng Bánh thuộc vùng ven khu BTTN Sốp Cộp. Nơi đây còn lưu giữ nguồn tài nguyên động thực vật khá phong phú, đa dạng nhưng đang bị tác động mạnh mẽ bởi sự khai thác của con người. Do vậy công tác điều tra, đánh giá đa dạng thành phần loài cây thuốc của xã là cơ sở cho việc bảo tồn, lưu giữ các loài cây thuốc quý hiếm, có nguy cơ cạn kiệt. Mặt khác, kết quả điều tra nhằm bổ sung thêm những dữ liệu mới cho nghiên cứu khoa học trong thời gian tới tại địa điểm nghiên cứu.

### **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **\* Phương pháp điều tra thu thập thông tin**

Sử dụng hai phương pháp tiếp cận RRA và PRA để phỏng vấn, thu thập thông tin về kinh nghiệm sử dụng các loài cây làm thuốc, các bài thuốc chữa bệnh. Đối tượng phỏng vấn là những ông lang, bà mẹ biết sử dụng cây thuốc chữa bệnh cho gia đình và cộng đồng.

#### **\* Phương pháp điều tra thực địa:**

- *Lập tuyến điều tra:* Dựa vào kết quả điều tra sơ bộ, tiến hành lập 5 tuyến điều tra (Tuyến 1: bản Kéo – Pú Ta – dọc theo suối Huổi Hin; tuyến 2: Từ bản Kéo đến bản Huổi Hin; tuyến 3: Từ bản Huổi Hin – bản Phải – dọc theo suối Nặm Ban; tuyến 4: Từ bản Kéo – Pú Thông – bản Phải; tuyến 5: Từ bản Kéo dọc theo suối Nặm Luông. Các tuyến này phân bố trên các đai cao và các dạng sinh cảnh khác nhau. Chiều dài mỗi tuyến trên 10 km, đi qua độ cao từ 750-1200 m qua một số dạng sinh cảnh như rừng trồng, nương rẫy, rừng phục hồi, rừng nguyên sinh núi đất, rừng trên núi đá, trắng cỏ.

- *Điều tra trên tuyến:* Trên tuyến tiến hành ghi chép các thông tin về tọa độ địa lý, độ cao, dạng sinh cảnh, các đặc điểm hình thái thân, lá, hoa đặc trưng, chụp ảnh mẫu, thu mẫu.

+ Xác định tên khoa học: Xử lý mẫu vật và phân loại mẫu dựa trên phương pháp so sánh hình thái. Sử dụng tài liệu chuyên khảo của các chuyên gia như bộ Thực vật chí Việt Nam; Cây

cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000); Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012); Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2005); Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam (Viện Dược liệu, 2006); Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2001, 2003, 2005).

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Đa dạng thành phần các loài cây thuốc tại xã Púng Bính

\* Thành phần các loài cây thuốc

Bảng 1

Sự phân bố các taxon của từng ngành tại xã Púng Bính

Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Mycophyta	1	1,64	1	0,94	1	0,84
Lycopodiophyta	2	3,28	2	1,89	3	2,52
Equisetophyta	1	1,64	1	0,94	1	0,84
Polypodiophyta	4	6,56	5	4,72	5	4,20
Magnoliophyta:	<b>53</b>	<b>86,89</b>	<b>97</b>	<b>91,51</b>	<b>110</b>	<b>92,44</b>
- Magnoliopsida	37	69,81	73	75,26	82	74,55
- Liliopsida	16	30,19	24	24,74	28	25,45
Tổng	61	100,00	106	100,00	119	100,00

Theo kết quả điều tra của Trần Thị Thu Huyền (2013), tác giả đã thống kê được 302 loài, thuộc 230 chi, 97 họ trong 4 ngành thực vật bậc cao có mạch được sử dụng làm thuốc phân bố tự nhiên tại Khu BTTN Sốp Cộp. Kết quả điều tra tại 3 bản thuộc xã Púng Bính chúng tôi ghi nhận có 119 loài, thuộc 106 chi, 61 họ trong 5 ngành thực vật. Số liệu thống kê này cho thấy thực vật sử dụng làm thuốc tại xã Púng Bính cũng rất đa dạng và phong phú về loài.

Phần lớn các taxon tập trung chủ yếu trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với số lượng là 110 loài (chiếm 92,44%), 97 chi (91,51%), 53 họ (86,89%). Các ngành còn lại chiếm tỷ lệ thấp, như ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 4 họ (6,56%), 5 chi (4,72%) và 5 loài (4,20%); ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 họ (3,28%), 2 chi (1,89%), 3 loài (2,52%); ngành Nấm (Mycophyta) và ngành Cỏ thập bút (Equisetophyta) chỉ có 1 họ (1,64%), 1 chi (0,94%) và 1 loài (0,84%).

Trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có 2 lớp: Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 37 họ (chiếm 69,81%); 73 chi (chiếm 75,26%) và 82 loài (chiếm 74,55%) tổng số họ, chi, loài cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan ở khu vực nghiên cứu. Ở lớp này có nhiều loài cây thuốc được người dân sử dụng để chữa bệnh như: Ba kích (*Morinda officinalis* How), Phèn đen (*Phyllanthus reticulatus* Poir), Huyết đằng (*Sargentodoxa cuneata* (Oliv.) Rehd.et. Wils). Tuy chỉ chiếm phần ít, nhưng lớp Loa kèn (Liliopsida) cũng đóng góp nhiều loài cây thuốc có giá trị như: Bầy lá một hoa (*Paris polyphylla* Smith), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott), Củ ba mươi (*Stemona tuberosa* Lour.).

\* Các loài cây thuốc thuộc diện cần được bảo vệ:

Tại khu vực nghiên cứu, kết quả điều tra cho thấy có 8 loài cây thuốc nằm trong danh mục các loài cây thuốc quý hiếm cần được bảo vệ (bảng 2).

Bảng 2

Một số loài cây thuốc cần bảo vệ ở xã Púng Bính

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Cấp phân hạng	
			Sách Đỏ Việt Nam 2007	Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam 2006
1	<i>Paris polyphylla</i> Smith.	Bảy lá một hoa	EN A1 c, d	EN A1 b, c, d. B1+2b, c
2	<i>Stemona pierrei</i> Gagnep.	Bách bộ lá nhỏ		VU B1+2b, c
3	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.) J. Smith.	Cốt toái bồ	VU A1 a, c, d	VU B1+2b, c
4	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f.	Đẳng sâm		VU A1a, c, d+2c, d
5	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh hoa trắng	VU A1 c, d	EN A1 b,c. B1+2b, c
6	<i>Limnophila rugosa</i> (Roth.) Merr.	Hồi nước		VU A3c
7	<i>Curculigo orchioides</i> Gaertn.	Sâm cau		VU A1a, c, d
8	<i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl.	Tòa dương		VU B2a, b (ii, iii, v)

**Ghi chú:** EN (Endangered): Nguy cấp; VU (Vulnerable): Sẽ nguy cấp;

Trên thực địa tần suất bắt gặp các loài này rất thấp, quần thể nhỏ, trữ lượng ít. Đặc biệt với những loài tái sinh chậm như Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei* (Kuntze ex Mett.) J. Smith.), Hoàng tinh hoa trắng (*Disporopsis longifolia* Craib), Bảy lá một hoa (*Paris polyphylla* Smith.),... chỉ bắt gặp những cây nhỏ. Nếu không có phương thức bảo vệ các loài này sẽ bị tuyệt chủng trong tương lai tại địa điểm nghiên cứu.

**2. Tình hình khai thác cây thuốc tại xã Púng Bính**

Kết quả điều tra, phỏng vấn và thu thập thông tin từ 26 ông lang, bà mẹ và những người thu hái cây thuốc thuộc 3 bản (bản Kéo, bản Huồi Hin, bản Phải) xã Púng Bính, chúng tôi đã thống kê danh sách một số loài cây thuốc người dân thường xuyên thu hái để chữa bệnh (bảng 3), bao gồm:

Bảng 3

Các loài cây thuốc thường xuyên thu hái tại khu vực nghiên cứu

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Bộ phận thu hái	Thời gian thu hái
1	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How.	Rễ củ	Mùa đông
2	Bảy lá một hoa	<i>Paris polyphylla</i> Sm. var. <i>chinensis</i> (Franch) Hara	Củ	Mùa thu
3	Củ mài	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burk.	Rễ củ	Mùa thu
4	Chè dây	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> Planch	Thân, lá	Quanh năm
5	Cốt toái bồ	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex Mett.) J. Smith.	Rễ củ	Quanh năm
6	Dây đau xương	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr.	Thân leo	Quanh năm
7	Dứa dại	<i>Pandanus tectorius</i> Sol.	Quả	Mùa hè
8	Hoàng đẳng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Rễ, thân	Mùa thu
9	Huyết đẳng	<i>Sargentodoxa cuneata</i> (Oliv.) Rehd. et. Wils	Thân leo	Quanh năm
10	Núc nác	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz.	Vỏ cây	Quanh năm
11	Phèn đen	<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir.	Thân, lá	Quanh năm
12	Tòa dương	<i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl.	Cả cây	Mùa hè thu

Các loài cây thuốc người dân khai thác bán chủ yếu là Câu tích (*Cibotium barometz* (L.) J. Sm.); Huyết đằng (*Sargentodoxa cuneata* (Oliv.) Rehd et Wils); Câu đằng (*Uncaria rhynchophylla* (Miq)); Bảy lá một hoa (*Paris polyphylla* Sm. var. *chinensis* (Franch) Hara); Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook.f.); Sa nhân (*Amomum villosum* Lour. syn. *Amomum echinosphaera* K. Schum.); Thảo quả (*Amomum aromaticum* Roxb.); Tỏa dương (*Balanophora laxiflora* Hemsl.); Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei* (Kuntze ex Mett.) J. Smith.); Củ ba mươi (*Stemona tuberosa* Lour.).

Trong tổng số 119 loài cây thuốc được người dân thu hái thường xuyên để phục vụ công tác chữa bệnh và bán cho thương lái thì có 12 loài thường xuyên thu hái. 3/12 loài cây thuốc thuộc diện nguy cấp cần bảo vệ thường xuyên bị thương lái đến đặt hàng thu mua (Bảy lá một hoa, Cốt toái bồ, Tỏa dương). Một số loài lấy củ như Ba kích, Củ mài, Cốt toái bồ, Hoàng đằng bị thu hái cả củ lớn và nhỏ nên rất khó tái sinh. Một số loài thân leo như Huyết đằng, Dây đau xương, Hoàng đằng, Chè dây bị thu hái bất cứ thời gian nào trong năm khi người dân có nhu cầu sử dụng hoặc bắt gặp trong rừng khi đi tìm kiếm cây thuốc.

### 3. Sự phân bố cây thuốc theo độ cao

Bảng 4

Sự phân bố của các loài cây thuốc theo độ cao

Độ cao (m)	Số loài	Tỷ lệ (%)	Một số loài cây thuốc
700 - 799	29	24,37	Trình nữ hoàng cung ( <i>Crinum latifolium</i> L.), Củ mài ( <i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill), Sâm đại hành ( <i>Eleutherine subaphylla</i> Gagnep.), Ích mẫu ( <i>Leonurus heterophyllus</i> ), Dây đau xương ( <i>Tinospora sinensis</i> Merr), Cốt toái bồ ( <i>Drynaria bonii</i> H. Christ),...
800 - 899	12	10,08	Cang mai ( <i>Justicia adhatoda</i> L.), Hoàng tinh cách ( <i>Disporopsis longifolia</i> Craib, 1912), Thảo quyết minh ( <i>Cassia tora</i> L), Màng tang ( <i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers),...
900 - 999	21	17,65	Bạch hạc ( <i>Rhinacanthus nasutus</i> ), Chàm mèo ( <i>Strobilanthes flaccidifolius</i> Nees), Cỏ xước ( <i>Achyranthes aspera</i> L.), Chè lá đắng ( <i>Vernonia amygdalina</i> Del), Bảy lá một hoa ( <i>Paris polyphylla</i> Sm),....
1.000 - 1.099	7	5,88	Đại bi ( <i>Blumea balsamifera</i> (L.) DC.), Sâm cau ( <i>Curculigo orchioides</i> Gaertn), Me rừng ( <i>Phyllanthus emblica</i> L.), Hương bài ( <i>Dianella ensifolia</i> DC), Ba chạc ( <i>Evodia leptota</i> (Spreng) Merr),...
1.100 - 1.199	37	31,09	Nhã hoa ( <i>Pratia Nummularia</i> ), Mía dò ( <i>Costus speciosus</i> Smith.), Giảo cổ lam ( <i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.), Bòn bốt ( <i>Glochidion eriocarpum</i> Champ), Kinh giới núi ( <i>Mosla dianthera</i> Maxim), Chè vàng ( <i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume), Kê huyết đằng ( <i>Sargentodoxa cuneata</i> (Oliv.) Rehd et Wils), Hôi nước ( <i>Limnophila rugosa</i> (Roth) Merr., 1917),....
1.200 - 1.300	13	10,93	Tam thất rừng ( <i>Panax sp.</i> ), Đẳng sâm ( <i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f), Khúc khắc ( <i>Smilax glabra</i> Roxb.), Cây chè dây ( <i>Ampelopsis Cantoniensis</i> Planch), Rau đắng ( <i>Elatostema sp.</i> ), Tô kén cái ( <i>Helicteres Hirsuta</i> Lour), Dạ cầm ( <i>Hedyotis capitellata</i> ,....
<b>Tổng</b>	<b>119</b>	<b>100</b>	

Ở tất cả các đai cao trong khoảng từ 700 - 1.300 m đều có sự phân bố cây thuốc, tuy nhiên đai cao từ 700 - 799 m (29 loài) và đai cao 1.100 - 1.199 m (37 loài) có số loài phân bố nhiều hơn (bảng 4). Điều đó cho thấy sự phân bố cây thuốc khá đa dạng ở các đai cao. Một số cây thuốc quý hiếm, tái sinh chậm như Bảy lá một hoa (*Paris polyphylla* Sm.), Hoàng tinh cách (*Disporopsis longifolia* Craib, 1912), Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei* (Kuntze ex Mett.) J. Smith.) đều phân bố ở độ cao dưới 1000 m. Ở độ cao trên 1000 m xã Púng Bính đang khoanh nuôi tái sinh rừng và rừng phòng hộ nên trong công tác quy hoạch bảo tồn, cũng cần chú ý giữ cây rừng ở độ cao dưới 1000 m để tạo điều kiện thuận lợi cho các loài cây thuốc tái sinh và phát triển.

#### 4. Các nhóm bệnh được điều trị bằng cây thuốc

Kết quả phỏng vấn cho thấy cây thuốc tại xã Púng Bính được thu hái để chữa 13 nhóm bệnh chính. Kết quả được trình bày ở bảng 5 sau đây:

Bảng 5

Các nhóm bệnh điều trị bằng cây thuốc

STT	Nhóm bệnh	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Bệnh thần kinh (Đau đầu, an thần,...)	8	6,72
2	Bệnh hệ tiêu hóa (Ly, tiêu chảy, giun,...)	12	10,09
3	Bệnh ngoài da (Ghẻ, mụn nhọt, bầm tím,...)	11	9,24
4	Bệnh xương khớp	16	13,45
5	Bệnh bài tiết (gan, thận,...)	11	9,24
6	Bệnh cảm (cảm cúm, cảm sốt, cảm mạo,...)	7	5,88
7	Thanh nhiệt, giải độc (rắn cắn, cây độc,...)	14	11,77
8	Hệ hô hấp (ho, viêm họng, viêm amidan,...)	7	5,88
9	Bệnh phụ nữ (sinh đẻ, điều kinh, an thai, u xơ,...)	11	9,24
10	Bệnh dạ dày	12	10,09
11	Cây có độc sử dụng làm thuốc (mụn nhọt, an thần,...)	4	3,36
12	Nam giới (liệt dương, hiếm muộn,...)	2	1,68
13	Tim	4	3,36
	<b>Tổng</b>	<b>119</b>	<b>100</b>

Có thể nhận thấy nhóm bệnh xương khớp được chữa với nhiều loài nhất (16 loài, chiếm 13,45%); tiếp theo là nhóm Thanh nhiệt, giải độc (rắn cắn, cây độc,...) với 14 loài, chiếm 11,77%. Các nhóm bệnh về phụ nữ, bồi bổ sức khỏe và dạ dày cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể. Các nhóm bệnh như bệnh tim, bệnh nam giới,... có số loài dùng để chữa bệnh ít nhất vì thực tế đây là những bệnh nan y khó chữa và các loài này chủ yếu được dùng theo kinh nghiệm dân gian.

Có 15 loài thực vật được sử dụng làm thuốc chữa các bệnh phổ biến theo kinh nghiệm của người dân địa phương (bảng 6). Công dụng chữa bệnh này chưa được nghiên cứu và tư liệu hóa. Trong quá trình điều tra thu thập thông tin chúng tôi phát hiện và thống kê lại làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo trong thời gian tới.

Bảng 6

Các loài cây thuốc dùng chữa bệnh theo tri thức bản địa

Stt	Tên cây	Tri thức đã được ghi chép	Tri thức bản địa
1	Cây phen đen ( <i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir)	Làm thuốc cầm máu, chữa đau mùa, chữa viêm cầu thận, chữa ly, tiêu chảy.	Chữa hiếm muộn con cái.

TIÊU BAN TÀI NGUYÊN SINH VẬT

2	Sâm đại hành ( <i>Eleutherine blubosa</i> )	Bổ máu, viêm da, viêm họng, giảm phản ứng.	Bồi bổ sức khỏe cho phụ nữ sau khi sinh.
3	Tòa dương ( <i>Balanophora laxiflora</i> Hems)	Thuốc cường dương, bổ cho người bị suy nhược cơ thể.	Dùng toàn cây chữa bệnh trĩ.
4	Sữa rừng ( <i>Alstonia scholaris</i> (L.) R.Br)	Làm thuốc bổ, chữa sốt, điều kinh, chữa lỵ	Dùng nhựa và lá chữa bong gân.
5	Thiên niên kiện ( <i>Homalomena amomaticae</i> )	Chữa phong thấp, mạnh gân xương; được dùng chữa thấp khớp, nhức mỏi xương, rất tốt cho những người cao tuổi, già yếu.	Thân làm thuốc bổ cho nam giới.
6	Chè lá đắng ( <i>Vernonia amygdalina</i> Del)	Lá sắc nước uống chữa bệnh tăng huyết áp, tiểu đường, viêm đại tràng, rối loạn tiêu hóa.	Lá làm thuốc bổ béo.
7	Mía dò ( <i>Costus speciosus</i> Smith.)	Chữa bệnh viêm thận thủy thũng, xơ gan, cổ trướng, viêm nhiễm đường tiết niệu, ho gà, cảm sốt.	Củ kết hợp râu ngô trị sỏi thận, bấu cổ.
8	Cây bòn bột ( <i>Glochidion eriocarpum</i> Champ)	Chữa cao huyết áp, cảm mạo phát sốt, đau họng, đau răng, miệng khô phiền khát, đái đường, thiếu vitamin C, phù thũng, Eczema, viêm da, mẫn ngứa.	Lõi thân đun nước uống chữa bệnh rối loạn tiêu hóa.
9	Ba bét lông ( <i>Mallotus barbatus</i> (Wall.) Muelle.-Arg.)	Dùng trị viêm ruột, rối loạn tiêu hoá không bình thường, bạch đới, sa tử cung, viêm hành tá tràng và dạ dày.	Hoa quả cọ xát vào chỗ bị mụn để chữa mụn cơm ở da.
10	Cỏ sữa ( <i>Euphoria hirta</i> L)	Thông huyết, tiêu viêm, tiêu độc, lợi tiểu, kháng khuẩn, thông sữa.	Kết hợp với cây thuốc khác chữa bong gân.
11	Dây gắm ( <i>Gnetum montanum</i> Markgr.)	Trừ thấp, thư cân hoạt huyết, giải độc, tiêu viêm, sát trùng.	Lấy nhựa bôi vào chỗ da bị dị ứng của cây độc.
12	Màng tang ( <i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers)	Dùng trị cảm mạo, phong hàn, đau dạ dày do lạnh, tiêu đục, ăn uống không tiêu, đau dạ dày, rắn cắn, phòng muỗi đốt.	Dùng lá kết hợp với cây thuốc khác đun nước tắm cho phụ nữ sau sinh.
13	Cối xay ( <i>Abutilon indicum</i> L.)	Cảm mạo phong nhiệt, sốt cao, đau đầu, tai ù, điếc, sốt vàng da, tiểu tiện vàng đỏ, đái rất buốt, phù thũng, lở ngứa, dị ứng.	Thân lá đun nước uống, chữa bệnh trĩ.
14	Cốt toái bồ ( <i>Drynaria bonii</i> Christ)	Dùng chữa phong thấp, đau lưng, thận hư, đau răng, trẻ em cam tích, đôn ngã, thần kinh suy nhược, ứ huyết gây đau.	Trị liệt dương ở nam giới.
15	Bưởi rừng ( <i>Severinia monophylla</i> (L.) Tan.)	Dùng chữa cúm, cảm mạo, đau đầu, ho, viêm nhánh khí quản, sốt rét; Đau dạ dày, viêm khớp xương, đau lưng gối, tê thấp, rắn cắn.	Lá và vỏ thân chữa cao huyết áp.

### III. KẾT LUẬN

- Kết quả điều tra cây thuốc thống kê được 119 loài thuộc 109 chi, 61 họ của 5 ngành thực vật. Trong đó có 8 loài có tên trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2006. Có 12/119 loài

người dân thường xuyên thu hái để chữa bệnh. Các loài cây thuốc phân bố ở độ cao từ 700 – 1300 m so với mực nước biển.

- Có 13 nhóm bệnh được điều trị bằng cây thuốc tại địa phương, trong đó cây thuốc chữa bệnh về xương khớp chiếm tỷ lệ cao nhất về số loài (13,45%). Có 15/119 loài cây thuốc được dùng theo tri thức bản địa. Đó là nguồn tư liệu hữu ích cho các nghiên cứu tiếp theo về cây thuốc tại xã Púng Bính.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Võ Văn Chi**, 1996. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội.
2. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam*, Phần II - Thực Vật, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. **Trần Thị Thu Huyền**, 2013. *Nghiên cứu đa dạng cây thuốc ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Sốp Cốp, tỉnh Sơn La*. Luận văn Thạc sĩ Sinh học.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999. *Cây cỏ Việt Nam*. Nxb. trẻ, Hà Nội.
5. **Đỗ Tất Lợi**, 2005. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nxb. Y học.
6. **Nguyễn Tập**, 2007. *Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam*, Nxb. Bản đồ, Hà Nội.
7. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. **Ủy ban nhân dân xã Púng Bính**, 2016. *Báo cáo Kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2016; nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu năm 2017*. Số: 14 /BC-UBND, ngày 014 tháng 6 năm 2016. Tr-1,2.
9. **Anita Mehra, Omesh Bajpai, Hema Joshi**, 2014. *Diversity, utilization and sacred values of Ethno-medicinal plants of Kumaun Himalaya*. An international journal.
10. **Gary J. Martin**, 2002. *Thực vật dân tộc học*. Sách bảo tồn, Nxb. Nông nghiệp (bản dịch).

#### SPECIES COMPOSITION DIVERSITY AND USE VALUE OF MEDICINAL PLANTS IN PUNG BANH COMMUNE, SOP COP DISTRICT, SON LA PROVINCE

**Hoang Thi Thanh Ha, Lo Thi Bui, Pham Ngoc Khanh**

#### SUMMARY

The survey indicates that 119 species of medicinal plants belonging to 109 genera, 61 families naturally distribute at 700 to 1300 m above sea level in Pung Banh commune, Sop Cop district, Son La province. Among them, there are 8 species recorded in the Red list of medicinal plants of Vietnam, 12 species harvested regularly for healing and selling. The local communities use medicinal plants to treat 13 disease groups, of which, medicinal plants for osteoarthritis treat accounts for the highest rate of species (13.45 %). There are 15 species used by local people as their indigenous knowledge. This is a useful resource for further research on medicinal plants in Pung Banh commune.